

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN**

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM NĂM HỌC 2024-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 209/QĐ-NK ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)*

| LỚP  | Nhóm môn | HỌ VÀ TÊN                | LỚP  | Nhóm môn | HỌ VÀ TÊN             | LỚP  | Nhóm môn | HỌ VÀ TÊN               |
|------|----------|--------------------------|------|----------|-----------------------|------|----------|-------------------------|
| 12A1 | A        | Võ Mai Quỳnh Khoa (KTCN) | 11A1 | 1        | Nguyễn Ngọc Thúy      | 10A1 | 1        | Nguyễn Thành Luân       |
| 12A2 | A        | Nguyễn Thị Ngọc Phượng   | 11A2 | 2        | Trần Thị Uyên         | 10A2 | 1        | Lâm Quang Minh          |
| 12A3 | A        | Nguyễn Hoàng Tiến Vinh   | 11A3 | 2        | Nguyễn Lâm Vĩnh Phước | 10A3 | 1        | Ngô Thị Hạnh            |
| 12A4 | A        | Trương Thái Lâm          | 11A4 | 2        | Nguyễn Thị Hiến       | 10A4 | 1        | Mai Thị Nê              |
| 12A5 | A        | Nguyễn Thị Như Tâm       | 11A5 | 2        | Võ Thành Tài          | 10A5 | 2        | Võ Trung Thu            |
| 12A6 | A        | Nguyễn Thanh Vinh        | 11A6 | 2        | Nguyễn Anh Thư        | 10A6 | 2        | Phạm Thị Chi            |
| 12B1 | B        | Trần Mỹ Liêm             | 11B1 | 3        | Nguyễn Ngọc Ước Xuân  | 10A7 | 2        | Nguyễn Thị Thu Hương    |
| 12B2 | B        | Nguyễn Lâm Vĩnh Phát     | 11B2 | 3        | Nguyễn Thị Minh Hoa   | 10A8 | 2        | Huỳnh Quốc Dũng         |
| 12L1 | L        | Nguyễn Quốc Hùng         | 11L1 | 4        | Nguyễn Thị Hạnh       | 10B1 | 3        | Hồ Thị Kiêm Ngân        |
| 12L2 | L        | Lê Thị Ngọc Trang        | 11L2 | 4        | Nguyễn Thị Trúc Mai   | 10B2 | 3        | Trần Thị Huyền Trang    |
| 12L3 | L        | Võ Thị Thanh Lan         | 11L3 | 4        | Trần Thanh Sơn (KTCN) | 10B3 | 3        | Nguyễn Lê Văn           |
| 12L4 | L        | Nguyễn Thị Thanh Hoa     | 11L4 | 4        | Phan Xuân Chiến       | 10L1 | 4        | Võ Thị Thu Quyền (KTCN) |
| 12L5 | L        | Võ Thị Hồng              | 11L5 | 4        | Nguyễn Thị Chi        | 10L2 | 4        | Nguyễn Thị Châu         |
| 12Đ1 | CD       | Nguyễn Thị Giang         | 11L6 | 4        | Lê Thị Thúy Lan       | 10L3 | 4        | Trần Thị Ngọc Uyên      |
| 12Đ2 | CD       | Nguyễn Đức Minh          | 11C1 | 5        | Dịch Thị Hồng Ánh     | 10L4 | 4        | Nguyễn Thị Ngọc Trâm    |
|      |          |                          | 11C2 | 5        | Võ Thanh Thủy         | 10C  | 5        | Đặng Mai Hương          |
|      |          |                          | 11Đ  | 6        | Lâm Thị Hồng Oanh     | 10Đ1 | 6        | Lê Thị Cẩm Tú           |
|      |          |                          | 11H1 | 7        | Nguyễn Hoài Nam       | 10Đ2 | 6        | Trịnh Thị Diệu Linh     |
|      |          |                          | 11H2 | 7        | Nguyễn Thị Thái       | 10H  | 7        | Nguyễn Thị Lý           |

**Sáng: Khối 12 (15 lớp) + 8 lớp 10A (10A1-10A8) và 4 lớp 10L (10L1-10L4)**

**Chiều: Khối 11 (19 lớp) + 7 lớp 10 (10B, 10C, 10Đ, 10H)**